

Số: 190/KH-MNP3

Mỹ Quới, ngày 25 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2025 – 2026

Căn cứ Kế hoạch số 189/KH-MNVB ngày 25/09/2025 của trường Mầm non Vĩnh Biên về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

Dựa vào tình hình thực tế Trường Mầm non Vĩnh Biên xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2025-2026 như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Tổng số Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL-GV- CNV): 31 đ/c
+ CBQL: 03 đ/c (Trình độ chuyên môn ĐH: 02; CĐ: 01)
+ Giáo viên dạy lớp: 22 đ/c; (Trình độ chuyên môn ĐH: 21; CĐ: 1)
+ Nhân viên: 06 đ/c (Trình độ chuyên môn ĐH: 01; TC: 01; khác: 04 gồm 03 cấp dưỡng có giấy chứng nhận, 01 bảo vệ)
+ Trình độ văn hóa TN 12: 28/31 đ/c
+ Đảng: 27 đ/c; Đoàn thanh niên: 04 người
Trường Mầm non Vĩnh Biên gồm có 3 điểm trường trên 3 khóm
+ Tổng số lớp: 11 lớp.
+ Điểm trung tâm: 07 lớp (01 Nhóm Trẻ, 01 Lớp Mầm, 02 Lớp Chồi, 03 Lớp Lá).

+ Vĩnh Sử: 03 lớp, (01 Lớp Mầm; 01 lớp Chồi; 01 Lớp Lá)

+ Vĩnh Trung: 01 lớp Lá

Tổng số cháu toàn trường: 276/133 nữ (Thời điểm tháng 9/2025)

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể có liên quan và hội cha mẹ học sinh chăm lo cho công tác giáo dục tại địa phương.

Đội ngũ CBQL-GV-NV trẻ nhiệt tình ham học hỏi có tính chủ động, có khả năng sử dụng công nghệ thông tin và đoàn kết nhất trí cao trong công tác.

Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục cháu của nhà trường.

Các đoàn thể trong nhà trường phối hợp chặt chẽ, đoàn kết giúp đỡ nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác quản lý của trường luôn được cải tiến, nề nếp trật tự, kỷ luật của nhà trường luôn được lãnh đạo nhà trường quan tâm đầu tư có hiệu quả giáo dục tốt.

Hội cha mẹ học sinh có quan tâm đến việc dạy và học của GV-HS. Tích cực hỗ trợ về công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

2.2. Khó khăn

Trường còn 1 điểm lẻ học nhờ tiểu học nên hoạt động học tập vui chơi của trẻ còn hạn chế..

Đồ chơi ngoài trời tại các điểm lẻ chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được nhu cầu vui chơi của trẻ.

II. Nhiệm vụ trọng tâm năm học

1. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường:

- Nhà trẻ: 35,0%;
- Mẫu giáo: 95,0%;
- Trẻ 5 tuổi: 99%

2. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn tiếp theo gắn với “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc”.

3. 100% các lớp đảm bảo an toàn cho trẻ; 100% các lớp xây dựng môi trường xanh, sạch, an toàn, thân thiện.

4. 100% các lớp ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý nhóm lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục.

5. 100% GV đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn theo luật giáo dục 2019.

6. 100% giáo viên và trẻ được hưởng chính sách theo quy định.

7. Giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

8. Tăng tỷ lệ trẻ làm quen tiếng Anh trong nhà trường.

9. 100% lớp có trẻ dân tộc thiểu số được thực hiện tăng cường tiếng Việt.

III. Nhiệm vụ cụ thể

1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với GDMN; đổi mới quản trị nhà trường; có giải pháp phù hợp, kịp thời để thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Thực hiện nghiêm công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em trong nhà trường. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN; chuẩn bị các điều kiện để triển khai Chương trình GDMN mới theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định và sự tự nguyện của phụ huynh.

Tham mưu với chính quyền địa phương đầu tư nguồn lực và thực hiện các giải pháp xã hội hoá giáo dục bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, lộ trình thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng GDMN, phát triển mạng lưới trường lớp, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia; thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp. Nâng cao chất lượng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho tất cả đối tượng trẻ em mầm non trong nhà trường, thực hiện hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ em khuyết tật.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; công tác tuyên truyền về GDMN.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

2. Thực hiện chuyên đề giáo dục

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện chuyên đề cụ thể theo từng khối lớp.

Lồng ghép các chuyên đề giáo dục: “Vấn đề lồng ghép giới trong cơ sở GDMN”; quy tắc ứng xử văn hóa trong cơ sở GDMN” vào các hoạt động và các chủ đề phù hợp; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chuyên đề Giáo dục phát triển vận động;

tích hợp nội dung học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trong GDMN; công tác vệ sinh, nước sạch và GD vệ sinh cho trẻ; GD môi trường;

Nâng cao chất lượng lồng ghép tích hợp các chuyên đề giáo dục thông qua các hoạt động thao giảng, hội giảng: giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, Tài nguyên môi trường, biển - hải đảo, phòng ngừa ứng phó giảm nhẹ thảm họa thiên tai, giáo dục sử dụng tiết kiệm năng lượng hiệu quả, giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu, tích hợp nội dung học tập và làm theo tư tưởng đạo đức và phong cách HCM trong giáo dục Mầm non....., lồng ghép vào chế độ sinh hoạt 1 ngày của trẻ thông qua các hoạt động giáo dục phù hợp.

Tăng cường lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho trẻ thông qua các hoạt động trong ngày phù hợp với điều kiện địa phương. Chỉ đạo tổ chức hoạt động rèn kỹ năng sống cho trẻ đối với các lớp dạy 2 buổi/ngày để trang bị cho trẻ nhiều vốn sống cho bản thân.

Biện pháp thực hiện

Tham mưu với Hiệu trưởng để thống nhất cách chỉ đạo, tiếp tục bổ sung đồ dùng đồ chơi cho các lớp phục vụ nhu cầu giảng dạy của giáo viên.

Phối hợp với Tổ trưởng chuyên môn xây dựng chủ đề giáo dục trong năm và phân phối nội dung giáo dục theo từng khối lớp phù hợp chủ đề giáo dục; xây dựng kế hoạch lồng ghép thực hiện chuyên đề giáo dục phù hợp từng chủ đề, lồng ghép cụ thể từng chủ đề nhánh.

Chỉ đạo tổ trưởng xem duyệt giáo án của giáo viên hàng tuần, kiểm tra hồ sơ sổ sách vào cuối chủ đề, đánh giá chất lượng lập kế hoạch giáo dục để nâng dần kỹ năng lập kế hoạch giáo dục; nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn trong tổ khối, đảm bảo sinh hoạt 2 tuần/lần, phát huy tốt vai trò của tổ chuyên môn là nòng cốt trong nhà trường.

Có kế hoạch làm đồ dùng đồ chơi giúp giáo viên sử dụng đồ dùng đồ chơi tự làm có hiệu quả và sử dụng được lâu dài.

Tăng cường kiểm tra, thăm lớp để duy trì nề nếp, thực hiện đúng quy chế chuyên môn trong đội ngũ giáo viên.

Tăng cường các hoạt động hội giảng chuyên đề, thao giảng các hoạt động theo từng lĩnh vực trong tổ khối nhằm giúp giáo viên được trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, nâng cao chất lượng lồng ghép tích hợp các chuyên đề giáo dục phù hợp.

Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non, giúp cho giáo viên mầm non có thể tự điều chỉnh, hoàn thiện các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ hằng ngày thông qua các tiêu chí thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Khuyến khích giáo viên tăng cường chủ động trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ và hợp tác tốt với đồng nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ. Chủ động phối hợp với phụ huynh trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ.

Tăng cường quan sát trẻ mọi lúc, mọi nơi nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo sự phát triển của trẻ phù hợp với mục tiêu kế hoạch.

3. Tăng cường tiếng việt cho trẻ người dân tộc

Tiếp tục tăng cường các biện pháp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo ở các lớp có trẻ người dân tộc khơmer, hòa vào các hoạt động trong ngày của trẻ

Hình thành và phát triển khả năng nghe nói tiếng việt, hiểu và sử dụng các từ, câu phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp hằng ngày.

Hình thành và phát triển khả năng sử dụng tiếng việt của trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một. Phát triển một số kỹ năng cần thiết cho việc học đọc, học viết ở trẻ.

Biện pháp thực hiện

Đảm bảo giao tiếp thường xuyên với trẻ bằng tiếng việt.

Tạo môi trường chữ viết bằng tiếng việt phong phú trong lớp học.

Nội dung dạy tiếng việt phù hợp với kinh nghiệm sống, khả năng của trẻ và truyền thống văn hóa của địa phương.

Đảm bảo cho trẻ học tiếng việt thông qua chơi, trải nghiệm dưới nhiều hình thức.

Đảm bảo tăng cường tiếng việt cho trẻ thông qua các hoạt động trong ngày.

4. Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ GVMN và nhân viên

Tiếp tục quản lý chất lượng đội ngũ theo chuẩn nghề nghiệp, tăng cường tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức, đảm bảo không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với CBQL, GV và nhân viên.

Phát huy hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin; biết và ứng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý.

Nâng cao năng lực đội ngũ CBQL và GVMN về phương pháp giáo dục, kỹ năng thực hành tổ chức hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Bồi dưỡng giáo viên nắm vững các phương pháp của từng hoạt động theo từng lĩnh vực, chú trọng tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mẫu giáo, hoạt động với đồ vật cho trẻ nhà trẻ.

Dạy học có sáng tạo, lấy trẻ làm trung tâm, có sự đầu tư trong từng hoạt động.

Bồi dưỡng cho giáo viên về chuyên môn, chuyên đề: tăng cường lòng ghép các chuyên đề vào các hoạt động phù hợp theo từng chủ đề .

Biện pháp thực hiện

Phổ biến đầy đủ các văn bản về chuyên môn kịp thời để giáo viên nắm bắt đầy đủ thông tin cũng như chủ động trong việc lập kế hoạch: dự kiến chủ đề, phân phối nội dung giáo dục, kế hoạch thực hiện các chuyên đề giáo dục.....

Phát huy tuyên truyền nhân rộng điển hình những giáo viên có thành tích xuất sắc để làm nòng cốt cho giáo viên khác noi theo.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ 2 tuần /lần để tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi về chuyên môn cũng như triển khai chuyên môn kịp thời nhằm thống nhất giữa nhận thức và hành động.

Đầu tư có chất lượng trong mỗi hoạt động thao giảng, hội giảng góp phần mang lại hiệu quả thiết thực nhằm nâng cao tay nghề cho giáo viên.

Tạo điều kiện, động viên khuyến khích giáo viên tham gia đầy đủ các lớp học chính trị và nghiệp vụ chuyên môn.

Đôn đốc giáo viên tự học bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao nghiệp vụ và tự học nâng cao trình độ trên chuẩn.

Tham quan học tập trường bạn (thông qua hội giảng báo cáo chuyên đề) để giáo viên trao đổi, tích lũy kinh nghiệm, ngày càng nâng cao nghiệp vụ.

5. Công tác kiểm tra

Kiểm tra việc tổ chức môi trường lớp học theo chủ đề, chú trọng khâu trang trí lớp theo chủ đề, theo sự kiện hội lễ. Kiểm tra việc thực hiện góc tuyên truyền theo định kỳ hàng tháng.

Kiểm tra chuyên đề theo các chủ đề phù hợp.

Mỗi tổ phải xây dựng được tối thiểu 02 chuyên đề giáo dục/học kỳ.

Trong năm học tổ chức thao giảng từ 6 hoạt động (trừ tháng 9) và 02 hoạt động hội giảng theo các lĩnh vực giáo dục để dự giờ, phân tích, rút kinh nghiệm theo từng chủ đề.

Tỉ lệ chuyên cần của trẻ: đạt 90% trở lên đối với trẻ 5 tuổi, 85% trở lên đối với trẻ ở các độ tuổi khác.

100% lớp đảm bảo trẻ học chuyên cần

100% các lớp có các góc chơi.

100% lớp thực hiện trang trí theo chủ đề.

100% giáo viên thực hiện phần mềm giáo án online

100% có kế hoạch tự học và bồi dưỡng trình độ chuyên môn.

100% trẻ được đánh giá cuối độ tuổi theo quy định.

100% trẻ 5 tuổi nhận dạng được các chữ cái và chữ số.

Kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn 3 lần/ năm.

Kiểm tra tài sản, thiết bị đồ dùng đồ chơi của lớp 2 lần/năm.

Dự giờ 100% các lớp/tháng.

Hội giảng 02 lần/ năm học

Thao giảng ít nhất 06 hoạt động/ năm học.

100% các khối sinh hoạt chuyên môn theo quy định Điều lệ trường mầm non.

Tăng cường kiểm tra, thăm lớp theo dõi việc thực hiện qui chế chuyên môn.

Duyệt giáo án trước 1 tuần, đảm bảo các kế hoạch được kiểm duyệt trước khi thực hiện. Kiểm tra, duyệt hồ sơ sổ sách cuối chủ đề.

Kiểm tra công tác đánh giá trẻ cuối giai đoạn, cuối chủ đề, cuối độ tuổi.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

Đánh giá giáo viên mầm non theo hướng phát triển năng lực giáo viên đặc biệt là năng lực thực hành tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Bảo đảm yêu cầu đánh giá sự phát triển của trẻ theo quy định tại chương trình GDMN.

Thông nhất quản lý hồ sơ chuyên môn theo Điều lệ trường mầm non và theo hướng dẫn của Sở GDĐT, Phòng GDĐT, đảm bảo khoa học, tinh gọn, hiệu quả.

7. Công tác truyền thông về giáo dục mầm non

Phổ biến các chủ trương, chính sách quy định mới của ngành, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, phổ biến kiến thức chăm sóc sức khỏe, giáo dục vệ sinh cá nhân cho trẻ một cách khoa học.

Tuyên truyền an toàn giao thông cho trẻ khi tham gia giao thông.

Tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, kỹ năng phòng tránh những nguy cơ không an toàn.

Tuyên truyền giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu

Tuyên truyền về lòng ghép giới và quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN

Tuyên truyền bằng nhiều hình thức: qua bảng thông tin của trường, lớp, thông qua các buổi họp phụ huynh, giờ đón trả trẻ...khuyến khích giáo viên tuyên truyền bằng nhiều hình ảnh tạo sự hấp dẫn gây sự quan tâm, chú ý của Phụ huynh.

8. Tham gia các phong trào, lễ hội của trường, ngành

Tham gia đầy đủ các hội thi và các phong trào của ngành, trường: hội thi “Vui hội trăng rằm”, tôi yêu Việt Nam, hội thi 20/11...

Tổ chức tốt các ngày hội lễ trong năm như: “Ngày hội đến trường của bé”, “Tết Trung Thu”, “Ngày lễ 20/11”, “văn nghệ mừng xuân”, “Lễ Quốc tế phụ nữ 8/3, “Mừng sinh nhật Bác Hồ 19/5”, “Lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi”...

III. Công tác giáo dục trẻ trong năm học

1. Giáo dục trẻ nhà trẻ:

Xây dựng kế hoạch phù hợp với độ tuổi

Tổ chức cho trẻ ngủ đủ giấc

Vệ sinh cá nhân, phòng học, đồ dùng đồ chơi

Khám sức khỏe định kỳ, theo dõi đánh giá sự phát triển cân nặng và chiều cao của trẻ

Phòng tránh các bệnh thường gặp, bảo vệ an toàn cho trẻ.

1.1 Chế độ sinh hoạt Nhà trẻ

* Nhóm 24-36 tháng tuổi (Bán trú)

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ 24 – 36 THÁNG (Bán trú)

Thời gian	Số phút	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
7g00-8g00	50- 60	Đón trẻ, tắm nắng, thể dục sáng				
8g00-10g00	110-120	Chơi với đồ chơi, chơi trò chơi dân gian				
		Hoạt động chơi tập có chủ định (Lĩnh vực PTTC)	Hoạt động chơi tập có chủ định (Lĩnh vực PTNT)	Hoạt động chơi tập có chủ định (Lĩnh vực PTNN)	Hoạt động chơi tập có chủ định (Lĩnh vực PTNT)	Hoạt động chơi tập có chủ định (Lĩnh vực PTTC-KNXH-PTTM)
		Chơi với các thiết bị, đồ chơi				
10g00-11g00	50- 60	Ăn bữa chính				
11g00- 13g30	140-150	Ngủ trưa, vệ sinh sau khi ngủ				
13g30-14g00	20-30	Ăn bữa phụ				
14g00 -15g00	50-60	Hoạt động chơi - tập (Lần 2)	Hoạt động chơi - tập (Lần 2)	Hoạt động chơi - tập (Lần 2)	Hoạt động chơi - tập (Lần 2)	Hoạt động chơi - tập (Lần 2)
15g00-17g00	110-120	Vệ sinh, nêu gương, chuẩn bị ra về và trả trẻ				

- Chơi tập có chủ định, giáo viên nên phối hợp đan xen hợp lý giữa hoạt động có tính chất động với hoạt động có tính chất tĩnh.

- Tổ chức với hình thức theo nhóm nhỏ (10 - 12 trẻ), mỗi nhóm thực hiện trong khoảng thời gian 10 - 15 phút, tùy thuộc vào sự hứng thú của trẻ trong nhóm chơi.

- Chơi với đồ chơi, chơi trò chơi dân gian: Trong hoạt động này trẻ được thao tác với đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan.

- Trò chơi vận động và chơi với các thiết bị, đồ chơi: Qua hoạt động này trẻ được chơi, đáp ứng nhu cầu về vận động, khám phá thế giới xung quanh, hình thành các mối quan hệ với những người gần gũi. Trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), chơi trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian theo ý thích của trẻ.

- Hoạt động chơi - tập (lần 2): Có thể tổ chức cho trẻ chơi tự do với các đồ chơi và hoạt động theo ý thích ở các góc/ khu vực hoạt động như: chơi xâu hạt; xếp hình; chơi với búp bê; chơi với các lô tô; xem tranh; nghe kể chuyện; chơi với đất nặn và bút vẽ; chơi các trò chơi có yếu tố vận động nhẹ nhàng...(Thời gian 50-60 phút)

TCTV không soạn giáo án riêng (lồng vào hoạt động).

* Ghi chú: Thời gian của 1 tiết học

Nhóm 24- 36 tháng: 15-20 phút

1.2. Mục tiêu và nội dung giáo dục: khối Nhà trẻ

1. Phát triển thể chất

*** Phát triển vận động**

- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
+ Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.

- Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu

+ Giữ được thăng bằng trong vận động đi / chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.

+ Thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: Tung- bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m.

+ Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng

+ Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).

- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay

+ Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện múa khéo.

+ Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.

*** Dinh dưỡng sức khỏe**

- Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

+ Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.

+ Ngủ một giấc buổi trưa.

+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

- Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe

+ Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh,...)

+ Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.

- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn

+ Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.

+ Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.

2. Phát triển nhận thức

- Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan

+ Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.

- Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ, lời nói

+ Chơi bắt trước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

+ Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.

+ Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.

+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc

+ Chỉ / nói tên, lấy hoặc cất đồ dùng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh theo yêu cầu.

+ Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to / nhỏ theo yêu cầu

3. Phát triển ngôn ngữ

- Nghe hiểu lời nói

+ Thực hiện được nhiệm vụ 2-3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.

+ Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì đây?”;....làm gì”; “...thế nào?”. VD: Con gà gáy thế nào?

+ Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.

- Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu

+ Phát âm rõ tiếng

+ Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô

+ Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc

+ Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau

Chào hỏi, trò chuyện

Bày tỏ nhu cầu của bản thân

Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...

+ Nói to, đủ nghe, lễ phép

4. Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mỹ

- Biểu lộ sự nhận thức về bản thân

+ Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)

+ Thể hiện điều mình thích và không thích

- Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi

+ Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói

+ Nhận biết các trạng thái cảm xúc, vui buồn, sợ hãi

+ Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc / gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi

- Thực hiện hành vi xã hội đơn giản

+ Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ

+ Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em ăn, nghe điện thoại)

+ Chơi thân thiện cạnh trẻ khác

+ Thực hiện một số yêu cầu của người lớn

- Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc / tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh

+ Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc

+ Thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)

b . Nội dung các lĩnh vực

1. Lĩnh vực phát triển thể chất

*** Phát triển vận động**

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
- Hô hấp: Tập hít vào và thở ra
- + Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sao kết hợp với lắc bàn tay.
- + Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên.
- + Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
- Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu
- + Tập bò, trườn:
 - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng
 - Bò chui qua cổng
 - Bò tới đích
 - Bò , trườn qua vật cản
- + Tập đi, chạy:
 - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp
 - Đi có mang vật trên tay
 - Chạy theo hướng thẳng
 - Đứng co một chân
- + Tập nhún bật:
 - Bật tại chỗ
 - Bật qua vạch kẻ
- + Tập tung, ném, bắt:
 - Tung bắt bóng cùng cô
 - Ném bóng về phía trước
 - Ném bóng vào đích
- Tập các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt
- + Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đào, vò xé
- + Đóng cọc bàn gỗ
- + Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây
- + Chắp ghép hình
- + Chồng, xếp 6-8 khối
- + Tập cầm bút tô, vẽ
- + Lật mở tran sách.
- * **Dinh dưỡng và sức khỏe**
 - Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt
 - + Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau
 - + Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống
 - + Luyện thói quen ngủ 1 giấc vào buổi trưa
 - + Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, bỏ rác đúng nơi quy định
 - Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe
 - + Tập tự phục vụ:
 - Xúc cơm, uống nước
 - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt
 - Chuẩn bị chỗ ngủ
 - + Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
 - + Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định
 - + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt

- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn như
- + Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần

- + Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

- Luyện tập và phối hợp các giác quan: thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác

- + Tìm đồ vật vừa mới cất giấu

- + Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc

- + Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật, sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì

- Nhận biết:

Một số bộ phận của cơ thể con người

- + Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể; mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân

Một số đồ dùng đồ chơi

- + Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc

Một số phương tiện giao thông quen thuộc

- + Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi

Một số con vật, hoa, quả quen thuộc

- + Tên và một số đặc điểm nổi bật của các con vật, rau, hoa, quả quen thuộc

Một số màu cơ bản, kích thước hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian

- + Màu đỏ, xanh, vàng

- + Kích thước (to- nhỏ)

- + Hình vuông, hình tròn

- + Vị trí trong không gian (trên-dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ

trên dưới trước sau, số lượng (1-nhiều)

Bản thân, người gần gũi

- + Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân

- + Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm / lớp

- + Tên và những công việc của những người thân gần gũi trong gia đình

- + Tên của cô giáo, các bạn, nhóm / lớp

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

- Nghe

- + Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói

- + Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”, “Làm gì?”, “Để làm gì?”, “Ở đâu?”, “Như thế nào?”

- + Nghe các bài thơ, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn

- Nói

- + Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặt điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp

- + Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”, “Làm gì?”, “Làm gì?”, “Ở đâu?”, “Thế nào?”, “Để làm gì?”, “Tại sao?”

- + Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài

- + Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng

- + Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý

- + Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
- Làm quen với sách
- + Lắng nghe khi người lớn đọc sách
- + Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

*** Phát triển tình cảm**

- Ý thức về bản thân

- + Nhận biết về tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân
- + Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình
- + Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc
- + Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận

*** Phát triển kỹ năng xã hội**

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi

- + Giao tiếp với những người xung quanh
- + Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
- + Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi
- + Quan tâm đến các vật nuôi
- Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản
- + Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói thừ “dạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.

+ Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định

*** Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc
- + Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ

+ Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc

- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh

+ Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình

+ Xem tranh

2. Giáo dục trẻ Mẫu giáo:

2.1 Chế độ sinh hoạt Mẫu giáo

*** LỚP BÁN TRÚ**

Thời gian	Số phút	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
6g45-8g5	80-90	Đón trẻ, trò chuyện, điểm danh, thể dục sáng				
8g5-8g45	30- 40	Hoạt động ngoài trời				
8g45-9g25	30- 40	Hoạt động học	Hoạt động học	Hoạt động học	Hoạt động học	Hoạt động học
9g25-10g15	40 -50	Chơi ở các góc				
10g15-11g25	60 -70	Ăn bữa chính				

11g25- 13g55	140 - 150	Ngủ trưa, vệ sinh sau khi ngủ				
13g55-14g25	20- 30	Ăn bữa phụ				
14g25-15g45	70-80	Chơi, hoạt động theo ý thích Ôn luyện Rèn năng khiếu, rèn kỹ năng	Hoạt động học	Chơi, hoạt động theo ý thích Ôn luyện Rèn kỹ năng	Hoạt động học	Chơi, hoạt động theo ý thích Ôn luyện Rèn năng khiếu, rèn kỹ năng
15g45-16g55	60-70	Vệ sinh, nêu gương, chuẩn bị ra về và trả trẻ				

Thời gian tiến hành một hoạt động tùy theo lứa tuổi, khả năng và hứng thú của trẻ, có thể linh hoạt tùy theo hoạt động cụ thể:

Ghi chú: Thời gian của 1 tiết học

3-4 tuổi: 20-25 phút

4-5 tuổi: 25-30 phút

5-6 tuổi: 30-35 phút

TCTV không soạn giáo án riêng (lồng vào hoạt động).

*** LỚP 2 BUỔI/NGÀY**

Thời gian	Số phút	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
6g45-8g5	80-90	Đón trẻ, trò chuyện, điểm danh, thể dục sáng				
8g5-8g45	30- 40	Hoạt động ngoài trời				
8g45-9g25	30- 40	Hoạt động học	Hoạt động học	Hoạt động học	Hoạt động học	Hoạt động học
9g25-10g15	40 -50	Chơi ở các góc				
10g15-11g00	40-45	Vệ sinh chuẩn bị trả trẻ				
		Trả trẻ ra về				
13g30- 14g25	50-55	Đón trẻ - Chơi tự chọn- Điểm danh				
14g25-15g45	70- 80	Chơi, hoạt động theo ý thích Ôn luyện Rèn năng khiếu, rèn kỹ năng	Hoạt động học	Chơi, hoạt động theo ý thích Ôn luyện Rèn kỹ năng	Hoạt động học	Chơi, hoạt động theo ý thích Ôn luyện Rèn năng khiếu, rèn kỹ năng
15g45-16g55		Vệ sinh, nêu gương, chuẩn bị ra về và trả trẻ				

TCTV không soạn giáo án riêng (lồng vào hoạt động).

2.2. Mục tiêu giáo dục

2.3. Mục tiêu và nội dung giáo dục: Khối Mầm

A. Giáo dục phát triển thể chất

a. Phát triển vận động

1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn

2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động

Giữ được thăng bằng khi cơ thể khi thực hiện vận động

Đi hết đoạn đường hẹp (3 m x 0,2 m).

Đi kiềng gót liên tục 3m

Kiểm soát được vận động:

Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh

Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.

Phối hợp tay - mắt trong vận động :

Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m)

Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm)

Thể hiện ngang mạnh kéo trong thực hiện bài tập tổng hợp

Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng

Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m)

Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chạy ra ngoài

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay phối hợp tay - mắt

Thực hiện được các vận động Xoay tròn cổ tay

Gập, đan ngón tay vào nhau

Phối hợp được cử động bàn tay ngón tay trong một số hoạt động

Vẽ được hình tròn theo

Cắt thẳng được một đoạn 10 cm

Xếp chồng 8 đến 10 khối không đồ

Tự cài cời cúc

Trẻ giữ được thăng bằng khi thực hiện vận động:

Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).

Đi kiềng gót liên tục 3m.

Kiểm soát được vận động

Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.

Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.

Phối hợp tay- mắt trong vận động

Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).

Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).

Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.

Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).

Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.

Thực hiện được các vận động:

Xoay tròn cổ tay.

Gập, đan ngón tay vào nhau.

Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động

Vẽ được hình tròn theo mẫu.

Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. Xếp chồng 8 - 10 khối không đồ

Tự cài, cởi cúc

b. Giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe

1. Biết một số món ăn thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).

1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...

1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:

Rửa tay, lau mặt, súc miệng.

Tháo tất, cởi quần, áo

Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...

3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:

Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.

Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.

4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.

4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:

Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.

Không tự lấy thuốc uống

Không leo trèo bàn ghế, lan

Không nghịch các vật sắc nhọn

Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.

B. Giáo dục phát triển nhận thức

a. Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.

Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.

Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật nào vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.

Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.

Phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản sự vật, hiện tượng và giải quyết các vấn đề đơn giản

Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.

3.Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo

Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...

Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1.Nhận biết số đếm, số lượng

Quan tâm đến số lượng để biểu thị số lượng.

Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.

So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn

Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng lại có tổng trong phạm vi 5

Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm

2.Sắp xếp theo quy tắc

Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.

3.So sánh 2 đối tượng

So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.

4.Nhận biết hình dạng

Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật

5.Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

Sử dụng lời nói và hành động để chỉnh vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.

c. Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân gia đình trường lớp mầm non và cộng đồng

1.1. Nói được tên tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.

1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

1.4. Nói được tên trường/ lớp cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

2.Nhận biết một số nghề phổ biến và truyền nghề truyền thống ở địa phương.

Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông ngày xây dựng khi được hỏi xem tranh.

3.Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh

3.1. Kể tên một số lễ hội ngày khai giảng tết Trung thu qua trò truyện tranh ảnh

3.2. Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.

C. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

1.1. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản, ví dụ: “cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ”.

1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...

1.3. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

2.1. Nói rõ các tiếng

2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...

2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.

2.4. Kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...

2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao....

2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn

2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.

2.8. Sử dụng các từ “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa”... trong giao tiếp.

2.9. Nói đủ nghe không nói lí nhí.

3. Làm quen với việc đọc - viết:

3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho trẻ nghe, tự giở sách xem tranh

3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh

3.3. Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc

D. Giáo dục phát triển tình cảm xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.

1.2. Nói được điều bé thích, không thích.

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.

2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.

3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận.

3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.

3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

4.1. Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp các đồ chơi, không tranh giành đồ chơi vâng lời bố mẹ.

4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...

4.3. Chú ý nghe khi cô bạn nói

4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.

5. Quan tâm đến môi trường

5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây

5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định

E. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

1.1. Vui sướng, vỗ tay nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.

1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.

1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...)

2. Một số kỹ năng trong hợp đồng âm nhạc và hoạt động tạo hình

2.1. Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc

2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).

2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.

2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.

2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.

2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối.

2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm có cấu trúc đơn giản.

2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc tạo hình

3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc

3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

V. Nội dung giáo dục năm học

A. Giáo dục phát triển thể chất

a. Phát triển vận động

1. Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp

Hô hấp: Hít vào, thở ra.

- Tay

+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.

+ Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.

- Lưng, bụng, lườn

+ Cúi về phía trước.

+ Quay sang trái, sang phải.

+ Nghiêng người sang trái, sang phải

- Chân

+ Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.

+ Co duỗi chân.

2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động

- Đi và chạy

+ Đi kiễng gót.

+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.

+ Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt

+ Đi trong đường hẹp.

- Bò trườn, trèo:

+ Bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt.

+ Bò chui qua cổng.

+ Trườn về phía trước.

+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).

- Tung, ném, bắt

+ Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.

+ Ném xa bằng 1 tay

+ Ném trúng đích bằng 1 tay

+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc

- Bật - nhảy:

+ Bật tại chỗ.

+ Bật về phía trước.

- Bật – nhảy
- + Bật tại chỗ
- + Bật về phía trước
- + Bật xa 20 - 25 cm.

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.
- Đan, tết.
- Xếp chồng các hình khối khác nhau.
- Xé, dán giấy.
- Sử dụng kéo, bút.
- Tô vẽ nguệch ngoạc.
- Cài, cởi cúc

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Làm quen cách đánh răng, lau mặt.
- Tập rửa tay bằng xà phòng.
- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

- Nhận biết trang phục theo thời tiết.

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.

- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng

- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.

B. Giáo dục phát triển nhận thức

a. Khám phá khoa học

1. Các bộ phận của cơ thể con người

- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể

2. Đồ vật

Đồ dùng, đồ chơi

- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.

Phương tiện giao thông

- Tên đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc

3. Động vật và thực vật

- Đặc điểm nổi bật của lợi ích của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.

- Mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.

4. Một số hiện tượng tự nhiên

Thời tiết, mùa

-Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ

Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng

-Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.

Nước

-Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.

-Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.

Không khí, ánh sáng

-Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày

Đất đá, cát, sỏi

-Một vài đặc điểm tính chất của đất đá cát sỏi

a. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**1. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm**

-Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng

-1 và nhiều

-Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.

-Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn

2. Xếp tương ứng

-Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.

3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc

-So sánh 2 đối tượng về kích thước.

-Xếp xen kẽ.

4. Đo lường**5. Hình dạng**

-Nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế

-Sử dụng các hình, hình học để chắp ghép.

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

-Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phải – tay trái của bản thân.

b. Khám phá xã hội**1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng**

-Tên tuổi giới tính của bản thân Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.

Địa chỉ gia đình

-Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo

-Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường

2. Một số nghề trong xã hội

-Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến

3. Danh lam thắng cảnh các ngày lễ hội sự kiện văn hóa

-Cờ Tổ Quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương

C. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**1. Nghe**

-Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

-Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.

-Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

-Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

2.Nói

-Phát âm các tiếng của Tiếng Việt.

-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.

-Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai?”, “cái gì?”, “ở đâu?”, “khi nào?”.

-Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.

-Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

-Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè.

-Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.

-Mô tả sự vật, tranh, ảnh có sự giúp đỡ

-Kể lại sự việc

-Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên

3.Làm quen với việc đọc, viết

-Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông,...)

-Tiếp xúc với chữ, sách truyện.

-Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.

-Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.

-Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt, nghỉ sau các dấu

-Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện

-Giữ gìn sách

D. Giáo dục phát triển tình cảm xã hội

1.Phát triển tình cảm

Ý thức về bản thân

-Tên, tuổi, giới tính.

-Những điều bé thích, không thích

Nhận biết và thể hiện cảm xúc tình cảm với con người sự vật và hiện tượng xung quanh.

-Nhận biết một số trạng thái và cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.

-Biểu lộ trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.

-Kính yêu Bác Hồ

-Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

2.Phát triển kỹ năng xã hội

-Một số quy định ở lớp và gia đình để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ

Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

-Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)

-Chờ đến lượt

-Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột

-Chơi hòa thuận với bạn

-Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”

Quan tâm đến môi trường

-Tiết kiệm điện, nước

- Giữ gìn vệ sinh môi trường
- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối

E. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

-Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

2.Một số kỹ năng trong hợp đồng âm nhạc và hoạt động tạo hình

- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).
- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát
- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp
- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm đơn giản.

-Nhận xét sản phẩm tạo hình

3.Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc tạo hình

- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc
- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích
- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

2.4. Mục tiêu và nội dung giáo dục: khối Chồi

a.Mục tiêu các lĩnh vực

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

Phát triển vận động

1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

- Trẻ thực hiện đúng đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.

2. Thể hiện các kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.

2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:

- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m

2.2. Kiểm soát được vận động:

- Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)

2.3. Phối hợp tay mắt trong vận động:

- Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)

- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).

- Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp

2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.
- Ném trúng đích ngang (xa 2m).
- Bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt

3.1. Thực hiện được các vận động:

- Cuộn - xoay tròn cổ tay.
- Gập, mở, các ngón tay

3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động:

- Vẽ hình người, nhà cây.
- Cắt thành thạo theo đường thẳng.
- Xây dựng lắp ráp 10 - 12 khối.
- Biết tết sợi đôi.
- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày

Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Chiều cao và cân nặng của trẻ:

+ Trẻ trai: Cân nặng từ 14,1 – 24,2kg ; chiều cao từ 100,7 – 119, 2 cm

+ Trẻ gái: Cân nặng từ 13, 7 – 24,9kg ; chiều cao từ 99,9 – 118,9 cm

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe

1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:

- Thịt, cá... có nhiều chất đạm
- Rau, quả chín có nhiều vitamin.

1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.

- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn

2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.
- Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau...
- Không uống nước lã

3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:

- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.

- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...

- Đi vệ sinh đúng nơi quy định

- Bỏ rác đúng nơi quy định.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun. Phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.

4.2. Nhận ra những nơi: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nguy hiểm, không được chơi gần.

4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:

- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...
- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống, bia, cà phê;

không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.

- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo
- 4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:
 - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.
 - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

KHÁM PHÁ KHOA HỌC

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

1.1 Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”, “Vì sao lá cây bị ướt?”...

1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.

1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. VD: pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.

1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.

1.5. Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.

2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. VD: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.”

2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

3.1. Nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát

3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...

Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như: thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu”; “Là số mấy”

1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10

1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn

1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả

1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.

1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.

1.7. Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

2. Sắp xếp theo quy tắc

Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại

3. So sánh 2 đối tượng

Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.

4. Nhận biết hình dạng

4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)

4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.

5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày

KHÁM PHÁ XÃ HỘI

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

1.2. Nói họ, tên công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình

1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện

1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

Kể tên công việc công cụ, sản phẩm/ ích lợi.....của 1 số nghề khi được hỏi, trò chuyện

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội

3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. Nghe hiểu lời nói

1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.

1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...

1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được

2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...

2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định

2.4. Kể lại sự việc theo trình tự

2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...

2.6. Kể truyện có mở đầu, kết thúc

2.7. Bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện

2.8. Sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”; “Xin lỗi” trong giao tiếp

2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở

3. Làm quen với việc đọc – viết

3.1. Chọn sách để xem

3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh

3.3. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)

3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...

3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng....

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI

1. Thể hiện ý thức về bản thân:

1.1. Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.

1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.

2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.

3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.

3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.

3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ.

3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

4.1. Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.

4.2. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép

4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.

4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.

4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)

5. Quan tâm đến môi trường

5.1. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.

5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.

5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.

5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

1.1. Vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng

1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện

1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...

2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)

2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm

2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.

2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.

2.6. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết

2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau

2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.

3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát

3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

b. Nội dung giáo dục

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

*** Phát triển vận động**

1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

- Tay

+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay)

+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu)

- Lưng, bụng, lườn

+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau

+ Quay sang trái, sang phải

+ Nghiêng người sang trái sang phải

- Chân

+ Nhún chân

+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ

+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối

2. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động

- Đi và chạy

+ Đi bằng gót bàn chân, đi khuyu gối, đi lùi

+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn

+ Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc theo vật chuẩn

+ Chạy 15m trong 10 giây

+ Chạy chậm 60 – 80m

- Bò trườn, trèo

+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m

+ Bò dích dắc qua 5 điểm

+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m

+ Trườn theo hướng thẳng

+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm

+ Trèo lên, xuống 5 giống thang

- Tung, ném, bắt

+ Tung bóng lên cao và bắt

+ Tung bắt bóng với người đối diện

+ Đập và bắt bóng tại chỗ

+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay

- + Ném trúng đích bằng 1 tay
- + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân
- BAT – nhảy
- +BAT liên tục về phía trước
- +BAT xa 35-40cm
- +BAT - nhảy từ trên cao xuống 30 -35cm
- +BAT tách chân, khép chân qua 5 ô
- +BAT qua vật cản cao 10 – 15 cm
- + Nhảy lò cò 3m

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ

- Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi

- Gập giấy
- Lắp ghép hình
- Xé, cắt đường thẳng
- Tô, vẽ hình
- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây

*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất
- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, sâu răng, béo phì)

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Tập đánh răng, lau mặt
- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người

- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết

- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết

- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản

- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng

- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

*** Khám phá khoa học**

1. Các bộ phận của cơ thể con người

- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể

2. Đồ vật

- Đồ dùng, đồ chơi

+ Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi

+ Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc

+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 – 3 đồ dùng, đồ chơi

+ Phân loại đồ dùng theo 1 – 2 dấu hiệu

- **Phương tiện giao thông**

+ Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu

3. Động vật và thực vật

- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả

- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây

4. Một số hiện tượng tự nhiên

- **Thời tiết, mùa**

+ Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người

- **Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng**

+ Sự khác nhau giữa ngày và đêm

- **Nước**

+ Các nguồn nước trong môi trường sống

+ Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây

+ Một số đặc điểm, tính chất của nước

+ Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước

- **Không khí, ánh sáng**

+ Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây

- **Đất đá, cát, sỏi**

+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi

***Làm quen với khái niệm toán sơ đẳng**

1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng

- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5

- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm

- Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn

- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe)

2. Xếp tương ứng

- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi

3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc

- So sánh, phát hiện quy tắc và sắp xếp theo quy tắc

4. Đo lường

- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo

- Đo dung tích bằng một đơn vị đo

5. Hình dạng

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật
- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau, phía trên- phía dưới, phía phải-phía trái)
- Nhận biết các buổi, sáng, trưa, chiều, tối

*** Khám phá xã hội**

1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng

- Họ tên tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
- Họ tên công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình
- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường
- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường

2. Một số nghề trong xã hội

- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương

3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa

- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. Nghe

- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm
- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi

2. Nói

- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”
- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
- Kể lại truyện đã được nghe
- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
- Đóng kịch

3. Làm quen với đọc, viết

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)
- Nhận dạng một số chữ cái
- Tập tô, tập đồ các nét chữ
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau

- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt
- + Hướng đọc, viết, từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
- + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách
- Đọc truyện qua các tranh vẽ
- Giữ gìn bảo vệ sách

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI

1. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân

- + Tên, tuổi, giới tính
- + Sở thích, khả năng của bản thân

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh

- + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh
- + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động, vẽ nặn, xếp hình
- + Kính yêu Bác Hồ
- + Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

2. Phát triển kĩ năng xã hội

- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)
- **Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**
- + Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
- + Chờ đến lượt hợp tác
- + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình
- + Quan tâm giúp đỡ bạn
- + Phân biệt hành vi “đúng-sai”, “tốt-xấu”
- **Quan tâm đến môi trường**
- + Tiết kiệm điện, nước
- + Giữ gìn vệ sinh môi trường
- + Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật

- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)
- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu
- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm
- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét
- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật

- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc
- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát
- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích
- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình

2.5. Mục tiêu và nội dung giáo dục: khối Lá

A. Mục tiêu

I. Giáo dục phát triển thể chất

100% trẻ khỏe mạnh, trong đó:

Cân nặng của trẻ

Trẻ trai: 15,9 - 27,1kg

Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg.

Chiều cao của trẻ

Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm

Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm

a/ Phát triển vận động

1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.

2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động

2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:

- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30 m.
- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.
- Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.

2.2. Kiểm soát được vận động:

- Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).

2.3. Phối hợp tay-mắt trong vận động:

- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).
- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m).

Đi, đập và bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.

2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.
- Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m)
- Bò qua 5-6 điểm đích đặt cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt

3.1. Thực hiện được các vận động:

- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.
- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.

3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:

- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.
- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.
- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).

b/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:

- Thực phẩm giàu đạm: thịt, cá,...
- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả,...

1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản:

- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.

2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.

3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:

- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.
- Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
- Che miệng khi ho, hắt hơi.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
- Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

4.1. Biết bàn, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn.

4.2. Biết những nơi như hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.

4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:

- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...

- Biết không tự ý uống thuốc.

- Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:

- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...

- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:

+ Khi gặp người lạ ẵm bế, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.

+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp không được phép của người lớn, cô giáo.

- Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.

4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:

- Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi.
- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a/ Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...

1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.

1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.

1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.

2.2. Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

3. Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

3.1. Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...

b/ Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...

1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.

1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.

1.5. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.

1.6. Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.

1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

2. Sắp xếp theo quy tắc

2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.

2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.

2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

3. So sánh hai đối tượng

Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.

4. Nhận biết hình dạng

Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.

5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c/ Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.

1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: Nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...".

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: "Ngày Quốc Khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".

3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe hiểu lời nói

1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái".

1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).

1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.

2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.

2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...

2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.

2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao ...

2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.

2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.

2.8. Sử dụng các từ: "Cảm ơn", "Xin lỗi", "Xin phép", "Thưa", "Dạ", "Vâng"...phù hợp với tình huống.

2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.

3. Làm quen với việc đọc-viết

- 3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.
- 3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
- 3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
- 3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
- 3.5. Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- 3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

IV. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

- 1.1. Nói được họ tên, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
- 1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
- 1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
- 1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.
- 1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

- 2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).
- 2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

- 3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
- 3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
- 3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
- 3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).
- 3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
- 3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

- 4.1. Thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
- 4.2. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
- 4.3. Chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. Biết chờ đến lượt.
- 4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.
- 4.6. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).

5. Quan tâm đến môi trường

- 5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.
- 5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
- 5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...)

5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.

1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.

1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.

2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ....

2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

2.4. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

2.5. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

2.6. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.

3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thức.

3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

B. Nội dung

I. Giáo dục phát triển thể chất

a/ Phát triển vận động

1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

- Hô hấp: hít vào, thở ra.

- Tay:

+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).

+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.

- Lưng, bụng, lườn:

+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.

+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.

+ Nghiêng người sang hai bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.

- Chân:

+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.

+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về trước, một chân về sau.

2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động

- Đi và chạy:

+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.

+ Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.

+ Đi nổi bàn chân tiến, lùi.

+ Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh.

+ Chạy 18m trong khoảng 10 giây.

+ Chạy chậm khoảng 100-120m.

- Bò, trườn, trèo:

+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m.

+ Bò đích đích qua 7 điểm.

+ Bò chui qua ống dài 1,5mx0,6m.

+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx 30cm.

+ Trèo lên xuống 7 giống thang.

- Tung, ném, bắt:

+ Tung bóng lên cao và bắt.

+ Tung, đập bắt bóng tại chỗ.

+ Đi và đập bắt bóng.

+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.

+ Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.

+ Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.

- Bật- nhảy:

+ Bật liên tục vào vòng.

+ Bật xa 40-50 cm.

+ Bật nhảy từ trên cao xuống (40-45 cm).

+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.

+ Bật qua vật cản 15-20 cm.

+ Nhảy lò cò 5 m.

1. Chuẩn 1. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn

a) Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm;

b) Chỉ số 2. Nhảy xuống từ độ cao 40 cm;

c) Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m;

d) Chỉ số 4. Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.

2. Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ

a) Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo;

b) Chỉ số 6. Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ;

c) Chỉ số 7. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản;

d) Chỉ số 8. Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.

3. Chuẩn 3. Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động

a) Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu;

- b) Chỉ số 10. Đập và bắt được bóng bằng 2 tay;
- c) Chỉ số 11. Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).
- 4. Chuẩn 4. Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể
- a) Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây;
- b) Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian;
- c) Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
- 5. Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng
- a) Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn;
- b) Chỉ số 16. Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày;
- c) Chỉ số 17. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp;
- d) Chỉ số 18. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng;
- đ) Chỉ số 19. Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày;
- e) Chỉ số 20. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.
- 6. Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân
- a) Chỉ số 21. Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm;
- b) Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm;
- c) Chỉ số 23. Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm;
- d) Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;
- đ) Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm;
- e) Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ

- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.
- Bẻ, nắn.
- Lắp ráp.
- Xé, cắt đường vòng cung.
- Tô, đồ theo nét.
- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.

b/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.

- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
- Nhận biết một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a/ Khám phá khoa học

1. Các bộ phận của cơ thể con người

Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.

2. Đồ vật

- Đồ dùng, đồ chơi

- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
- Một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
- So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

- Phương tiện giao thông

- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.

3. Động vật và thực vật

- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.
- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loài cây, con vật.
- So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các con vật, cây, hoa, quả.
- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.
- Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

4. Một số hiện tượng tự nhiên

- Thời tiết, mùa

- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng

- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.

- Nước

- Các nguồn nước trong môi trường sống.
- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.
- Một số đặc điểm, tính chất của nước.
- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

- Không khí, ánh sáng

- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.

- Đất, đá, cát, sỏi

- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

b/ Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm

- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...).

2. Xếp tương ứng

Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.

3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc

- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
- Tạo ra quy tắc sắp xếp.

4. Đo lường

- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.
- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

5. Hình dạng

- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.

- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

- Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía trái-phía phải) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.

- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.

- Gọi tên các thứ trong tuần.

c/ Khám phá xã hội

1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng

- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.

- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô trong gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ của gia đình.

- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.

- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.

2. Một số nghề trong xã hội

- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa

- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

- Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên

- Chỉ số 92. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung;

- Chỉ số 93. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên;

- Chỉ số 94. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống;

- Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.

- Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội

- a) Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng;
- b) Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống;
- c) Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
- 3. Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình
 - a) Chỉ số 99. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;
 - b) Chỉ số 100. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;
 - c) Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;
 - d) Chỉ số 102. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;
 - đ) Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
- 4. Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo
 - a) Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10;
 - b) Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm;
 - c) Chỉ số 106. Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.
- 5. Chuẩn 24. Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian
 - a) Chỉ số 107. Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu;
 - b) Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.
- 6. Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian
 - a) Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;
 - b) Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;
 - c) Chỉ số 111. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.
- 7. Chuẩn 26. Trẻ tò mò và ham hiểu biết
 - a) Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi;
 - b) Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- 8. Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận
 - a) Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;
 - b) Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;
 - c) Chỉ số 116. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.
- 9. Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo;
 - a) Chỉ số 117. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;
 - b) Chỉ số 118. Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình;
 - c) Chỉ số 119. Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau;
 - d) Chỉ số 120. Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

1. Nghe

- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.

- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

2. Nói

- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”
- Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”.
- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.
- Kể lại sự việc theo trình tự.
- Đóng kịch.

3. Làm quen với đọc, viết

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường của cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).
- Nhận dạng các chữ cái.
- Tập tô, tập đồ các nét chữ.
- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
 - + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
 - + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
- Giữ gìn, bảo vệ sách.

1. Chuẩn 14. Trẻ nghe hiểu lời nói

- Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi;
- Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;
- Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;
- Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.

2. Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp

- Chỉ số 65. Nói rõ ràng;
- Chỉ số 66. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày;
- Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;
- Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;

- đ) Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;
- e) Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;
- g) Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;
- h) Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.
- 3. Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp
 - a) Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;
 - b) Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;
 - c) Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;
 - d) Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;
 - đ) Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;
 - e) Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy.
- 4. Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc
 - a) Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;
 - b) Chỉ số 80. Thể hiện sự thích thú với sách;
 - c) Chỉ số 81. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.
- 5. Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc
 - a) Chỉ số 82. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;
 - b) Chỉ số 83. Có một số hành vi như người đọc sách;
 - c) Chỉ số 84. “Đọc” theo truyện tranh đã biết;
 - d) Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.
- 6. Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết
 - a) Chỉ số 86. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;
 - b) Chỉ số 87. Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;
 - c) Chỉ số 88. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;
 - d) Chỉ số 89. Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;
 - đ) Chỉ số 90. Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;
 - e) Chỉ số 91. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

IV. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

1. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân

- Sở thích, khả năng của bản thân.
- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
- Mạnh dạng, tự tin bày tỏ ý kiến.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh

- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
- Kính yêu Bác Hồ.
- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

2. Phát triển kĩ năng xã hội

Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; chắt tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

- **Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**

- Lắng nghe ý kiến người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự.
- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"-"sai", "tốt"-"xấu".

- **Quan tâm đến môi trường**

- Tiết kiệm điện, nước.
- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.

1. Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân

- a) Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình;
- b) Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;
- c) Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân;
- d) Chỉ số 30. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.

2. Chuẩn 8. Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân

- a) Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;
- b) Chỉ số 32. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;
- c) Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;
- d) Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.

3. Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc

- a) Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;
- b) Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;
- c) Chỉ số 37. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;
- d) Chỉ số 38. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;
- đ) Chỉ số 39. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;
- e) Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;
- g) Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.

4. Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn

- a) Chỉ số 42. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;
- b) Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;
- c) Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;
- d) Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;
- e) Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên;
- g) Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.

5. Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh

- a) Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến của người khác;
- b) Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;
- c) Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;
- d) Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;
- đ) Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.

6. Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội

- a) Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;

- b) Chỉ số 54. Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;
 - c) Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;
 - d) Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;
 - đ) Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.
7. Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác
- a) Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân;
 - b) Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;
 - c) Chỉ số 60. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.

V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật

Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)
- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, xé, cắt, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
- Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

2.6. Mục tiêu và nội dung giáo dục: lớp lá ghép 2 độ tuổi

I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT (Trẻ 4-5 tuổi).

Phát triển vận động

1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

- Trẻ thực hiện đúng đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.

2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.

2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:

- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m

2.2. Kiểm soát được vận động:

- Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)

2.3. Phối hợp tay mắt trong vận động:

- Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m)

- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).

- Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp

2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.

- Ném trúng đích ngang (xa 2m).

- Bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt

3.1. Thực hiện được các vận động:

- Cuộn - xoay tròn cổ tay.

- Gập, mở, các ngón tay

3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động:

- Vẽ hình người, nhà cây.

- Cắt thành thạo theo đường thẳng.

- Xây dựng lắp ráp 10 - 12 khối.

- Biết tết sợi đôi.

- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày

Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Chiều cao và cân nặng của trẻ:

+ Trẻ trai: Cân nặng từ 14,1 – 24,2kg ; chiều cao từ 100,7 – 119, 2 cm

+ Trẻ gái: Cân nặng từ 13, 7 – 24,9kg ; chiều cao từ 99,9 – 118,9 cm

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe

1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:

- Thịt, cá... có nhiều chất đạm

- Rau, quả chín có nhiều vitamin.

1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở.

- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.

- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn

2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.

- Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau...

- Không uống nước lã

3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:

- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.

- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...

- Đi vệ sinh đúng nơi quy định

- Bỏ rác đúng nơi quy định.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun. Phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.

4.2. Nhận ra những nơi: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nguy hiểm, không được chơi gần.

4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:

- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...

- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.

- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo

4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:

- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.

- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT (5-6 tuổi)**

100% trẻ khỏe mạnh, trong đó:

Cân nặng của trẻ

Trẻ trai: 15,9 - 27,1kg

Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg.

Chiều cao của trẻ

Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm

Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm

a/ Phát triển vận động

1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.

2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động

2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:

- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30 m.

- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.

- Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.

2.2. Kiểm soát được vận động:

- Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).

2.3. Phối hợp tay-mắt trong vận động:

- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m).

- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m).

Đi, đập và bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.

2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.

- Ném trúng đích đứng (cao 1,5m, xa 2m)

- Bò qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt

3.1. Thực hiện được các vận động:

- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.
- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.

3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:

- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.
- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.
- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quay dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).

b/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:

- Thực phẩm giàu đạm: thịt, cá,...
- Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả,...

1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...

1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản:

- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.

2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe

3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.

3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:

- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.
- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...
- Che miệng khi ho, hắt hơi.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
- Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

4.1. Biết bàn, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn.

4.2. Biết những nơi như hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.

4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:

- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...

- Biết không tự ý uống thuốc.

- Biết: ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:

- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...

- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:

+ Khi gặp người lạ ẵm bế, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.

+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp không được phép của người lớn, cô giáo.

- Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.

4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:

- Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi.

- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.

- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC (Trẻ 4-5 tuổi)

a) Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

1.1 Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”, “Vì sao lá cây bị út?”...

1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.

1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. VD: pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.

1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.

1.5. Phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.

2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. VD: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn.”

2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

3.1. Nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát

3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình..

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như: thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu”; “Là số mấy”

1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10

1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn

1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả

1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.

1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.

1.7. Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

2. Sắp xếp theo quy tắc

Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại

3. So sánh 2 đối tượng

Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.

4. Nhận biết hình dạng

4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)

4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.

5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày

c) khám phá xã hội.

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

1.2. Nói họ, tên công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình

1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện

1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

Kể tên công việc công cụ, sản phẩm/ ích lợi.....của 1 số nghề khi được hỏi, trò chuyện

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội

3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.

*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC (5-6 tuổi)**

a/ Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...

1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.

1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.

1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.

2.2. Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

3. Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

3.1. Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...

b/ Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...

1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.

1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.

1.5. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.

1.6. Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.

1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

2. Sắp xếp theo quy tắc

2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.

2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.

2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

3. So sánh hai đối tượng

Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đóng và so sánh, nói kết quả.

4. Nhận biết hình dạng

Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.

5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.

c/ Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

1.1. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.

1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.

1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.

1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.

1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: Nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...".

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: "Ngày Quốc Khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...".

3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ (4-5 tuổi)

1. Nghe hiểu lời nói

1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng.

1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...

1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được

2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...

2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định

2.4. Kể lại sự việc theo trình tự

2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...

2.6. Kể truyện có mở đầu, kết thúc

2.7. Bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện

2.8. Sử dụng các từ như: "Mời cô"; "Mời bạn"; "Cảm ơn"; "Xin lỗi" trong giao tiếp

2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở

3. Làm quen với việc đọc – viết

3.1. Chọn sách để xem

3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh

3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)

3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...

3.5. Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng....

*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ (5-6 tuổi)**

1. Nghe hiểu lời nói

1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái".

1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).

1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.

2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.

2.3. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...

2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.

2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao ...

2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.

2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.

2.8. Sử dụng các từ: "Cảm ơn", "Xin lỗi", "Xin phép", "Thưa", "Dạ", "Vâng"... phù hợp với tình huống.

2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.

3. Làm quen với việc đọc-viết

3.1. Chọn sách để "đọc" và xem.

3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.

3.3. Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông...

3.5. Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

3.6. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.

IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI (Trẻ 4-5 tuổi)

1. Thể hiện ý thức về bản thân:

1.1. Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.

1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.

2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.

3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.

3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.

3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể truyện về Bác Hồ.

3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

4.1. Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.

4.2. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép

4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.

4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.

4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)

5. Quan tâm đến môi trường

5.1. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.

5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.

5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.

5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng

*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI (5-6 tuổi)**

1. Thể hiện ý thức về bản thân

1.1. Nói được họ tên, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.

1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.

1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).

1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.

1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).

2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.

3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh

3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.

3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.

3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.

3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).

3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.

4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

4.1. Thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.

4.2. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

4.3. Chú ý khi nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. Biết chờ đến lượt.

4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.

4.6. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).

5. Quan tâm đến môi trường

5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.

5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.

5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...)

5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ (Trẻ 4-5 tuổi)

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

1.1. Vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng

1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện

1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...

2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)

2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm

2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.

2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.

2.6. Làm lồi, dẹt, bẹt, bẻ, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết

2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau

2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.

3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát

3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ (5-6 tuổi)**

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật

1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.

1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.

1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...

2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.

2.4. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

2.5. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

2.6. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

2.7. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.

2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.

3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thức.

3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

NỘI DUNG GIÁO DỤC

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT (Trẻ 4- 5 tuổi).

*** Phát triển vận động**

1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

- Tay

+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay)

+ Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu)

- Lưng, bụng, lườn

+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau

+ Quay sang trái, sang phải

+ Nghiêng người sang trái sang phải

- Chân

+ Nhún chân

+ Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ

+ Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối

2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động

- Đi và chạy

+ Đi bằng gót bàn chân, đi khuyu gối, đi lùi

+ Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn

+ Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắt theo vật chuẩn

+ Chạy 15m trong 10 giây

+ Chạy chậm 60 – 80m

- Bò trườn, trèo

+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m

+ Bò đích dắc qua 5 điểm

+ Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m

+ Trườn theo hướng thẳng

+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm

+ Trèo lên, xuống 5 giống thang

- Tung, ném, bắt

+ Tung bóng lên cao và bắt

+ Tung bắt bóng với người đối diện

+ Đập và bắt bóng tại chỗ

+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay

+ Ném trúng đích bằng 1 tay

+ Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân

- Bật – nhảy

- + Bật liên tục về phía trước
- + Bật xa 35 - 40cm
- + Bật - nhảy từ trên cao xuống 30 - 35cm
- + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô
- + Bật qua vật cản cao 10 – 15 cm
- + Nhảy lò cò 3m

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ

- Vo, xoay, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi

- Gập giấy
- Lắp ghép hình
- Xé, cắt đường thẳng
- Tô, vẽ hình
- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây

*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất
- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, sâu răng, béo phì)

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Tập đánh răng, lau mặt
- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người
- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết
- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản
- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng
- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT (5-6 tuổi)

a/ Phát triển vận động

1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp

- Hô hấp: hít vào, thở ra.
- Tay:
 - + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).
 - + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.
- Lưng, bụng, lườn:

- + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.
- + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.
- + Nghiêng người sang hai bên kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.
- Chân:
 - + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.
 - + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về trước, một chân về sau.

2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động

- Đi và chạy:
 - + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.
 - + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.
 - + Đi nôi bàn chân tiến, lùi.
 - + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh.
 - + Chạy 18m trong khoảng 10 giây.
 - + Chạy chậm khoảng 100-120m.
- Bò, trườn, trèo:
 - + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m.
 - + Bò đích dắc qua 7 điểm.
 - + Bò chui qua ống dài 1,5mx0,6m.
 - + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx 30cm.
 - + Trèo lên xuống 7 giống thang.
- Tung, ném, bắt:
 - + Tung bóng lên cao và bắt.
 - + Tung, đập bắt bóng tại chỗ.
 - + Đi và đập bắt bóng.
 - + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
 - + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.
 - + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
- Bật- nhảy:
 - + Bật liên tục vào vòng.
 - + Bật xa 40-50 cm.
 - + Bật nhảy từ trên cao xuống (40-45 cm).
 - + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.
 - + Bật qua vật cản 15-20 cm.
 - + Nhảy lò cò 5 m.

3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ

- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.
- Bẻ, nắn.
- Lắp ráp.
- Xé, cắt đường vòng cung.
- Tô, đồ theo nét.
- Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.

b/ Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe

- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.

- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)

2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn

- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.

- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.
- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
- Nhận biết một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC (Trẻ 4- 5 tuổi)

a) Khám phá khoa học

1. Các bộ phận của cơ thể con người

- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể

2. Đồ vật

- Đồ dùng, đồ chơi

- + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi
- + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc

- + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 – 3 đồ dùng, đồ chơi

- + Phân loại đồ dùng theo 1 – 2 dấu hiệu

- Phương tiện giao thông

- + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu

3. Động vật và thực vật

- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả

- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây

4. Một số hiện tượng tự nhiên

- Thời tiết, mùa

- + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người

- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng

- + Sự khác nhau giữa ngày và đêm

- Nước

- + Các nguồn nước trong môi trường sống
- + Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây
- + Một số đặc điểm, tính chất của nước
- + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước

- Không khí, ánh sáng

+ Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây

- Đất đá, cát, sỏi

+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi

b) Làm quen với khái niệm toán sơ đẳng

1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm

- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5
- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm
- Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe)

2. Xếp tương ứng

- Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi

3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc

- So sánh, phát hiện quy tắc và sắp xếp theo quy tắc

4. Đo lường

- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo

- Đo dung tích bằng một đơn vị đo

5. Hình dạng

- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật

- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau, phía trên- phía dưới, phía phải-phía trái)

- Nhận biết các buổi, sáng, trưa, chiều, tối

c) Khám phá xã hội

1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng

- Họ tên tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân

- Họ tên công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình

- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường

- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường

2. Một số nghề trong xã hội

- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương

3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa

- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC (5-6 tuổi)

a/ Khám phá khoa học

1. Các bộ phận của cơ thể con người

Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.

2. Đồ vật

- Đồ dùng, đồ chơi

- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.

- Một số mối quan hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

- So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu.

- Phương tiện giao thông

- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu.

3. Động vật và thực vật

- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.

- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loài cây, con vật.

- So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa các con vật, cây, hoa, quả.

- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.

- Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.

4. Một số hiện tượng tự nhiên

- Thời tiết, mùa

- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.

- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.

- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng

- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.

- Nước

- Các nguồn nước trong môi trường sống.

- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.

- Một số đặc điểm, tính chất của nước.

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

- Không khí, ánh sáng

- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.

- Đất, đá, cát, sỏi

- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

b/ Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm

- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.

- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.

- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...).

2. Xếp tương ứng

Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.

3. So sánh, sắp xếp theo quy tắc

- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.
- Tạo ra quy tắc sắp xếp.

4. Đo lường

- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.
- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

5. Hình dạng

- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.

- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

- Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau.

6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian

- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía trái-phía phải) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.

- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.

- Gọi tên các thứ trong tuần.

c/ Khám phá xã hội

1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng

- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.

- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô trong gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ của gia đình.

- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.

- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.

2. Một số nghề trong xã hội

Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa

Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ*(Trẻ 4-5 tuổi).

1. Nghe

- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm
- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi

2. Nói

- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Khi nào?”, “Để làm gì?”
- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép

tiếp

- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè
- Kể lại truyện đã được nghe
- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết
- Đóng kịch

3. Làm quen với đọc, viết

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ)

- Nhận dạng một số chữ cái
- Tập tô, tập đồ các nét chữ
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt
- + Hướng đọc, viết, từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
- + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu
- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách
- Đọc truyện qua các tranh vẽ
- Giữ gìn bảo vệ sách

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ (5-6 tuổi)

1. Nghe

- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.

2. Nói

- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.

- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.

- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”

- Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”.

- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.

- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.

- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.

- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.

- Kể lại sự việc theo trình tự.

- Đóng kịch.

3. Làm quen với đọc, viết

- Làm quen với một số kí hiệu thông thường của cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).

- Nhận dạng các chữ cái.

- Tập tô, tập đồ các nét chữ.

- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
 - + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
 - + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
- Giữ gìn, bảo vệ sách.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI (Trẻ 4-5 tuổi).

1. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân

- + Tên, tuổi, giới tính
- + Sở thích, khả năng của bản thân

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh

- + Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh
- + Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động, vẽ nặn, xếp hình
- + Kính yêu Bác Hồ
- + Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

2. Phát triển kĩ năng xã hội

- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội

- + Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
- + Chờ đến lượt hợp tác
- + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình
- + Quan tâm giúp đỡ bạn
- + Phân biệt hành vi “đúng-sai”, “tốt-xấu”

- Quan tâm đến môi trường

- + Tiết kiệm điện, nước
- + Giữ gìn vệ sinh môi trường
- + Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI (5- 6 tuổi)

1. Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân

- Sở thích, khả năng của bản thân.
- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh

- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.

- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.

- Kính yêu Bác Hồ.

- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.

2. Phát triển kĩ năng xã hội

Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; chắt tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

- **Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội**

- Lắng nghe ý kiến người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ lễ phép, lịch sự.

- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.

- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.

- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.

- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"-"sai", "tốt"-"xấu".

- **Quan tâm đến môi trường**

- Tiết kiệm điện, nước.

- Giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ (Trẻ 4- 5 tuổi)

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật

- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)

- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát

- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc

- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu

- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm

- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét

- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật

- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc

- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát

- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích

- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình

*** Đối với trẻ dân tộc.**

- Tôn trọng ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ sẽ giúp trẻ tiến bộ nhanh hơn khi học Tiếng Việt.

- Giúp trẻ có thể hiểu Tiếng Việt trong giao tiếp.

- Trẻ có thể nhớ và có thể học từ vựng theo 3 nhóm từ cùng 1 lúc.

- Trẻ học tốt nhất khi từ vựng được sử dụng trong câu mệnh lệnh, hành động hoặc cử chỉ do trẻ thực hiện và thôn qua các hoạt động vui vẻ, quen thuộc như trò chơi, câu đố bài hát,...

- Trẻ học dễ dàng khi trẻ có thể liên hệ các từ được học với tranh ảnh, hình vẽ hoặc với bất kỳ thứ gì có trong môi trường xung quanh.

- Dạy các từ trái nghĩa song song là cách dạy tốt nhất.

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ (5-6 tuổi)

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật

Thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)
- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.

- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.

- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.

- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.

- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.

- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, xé, cắt, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.

- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.

- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).

- Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ KHỐI NHÀ TRẺ

STT	CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN (TỪ 08/09/2025 ĐẾN 22/05/2026)	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỰ KIỆN
1	Trường mầm non (4 tuần)	Tuần 1: 08-12/09/2025	Lớp học của bé	Ngày hội đến trường của bé Vui tết trung thu
		Tuần 2: 15-19/09/2025	Bé và các bạn	
		Tuần 3: 22-26/09/2025	Trường mầm non của bé	
		Tuần 4: 29/9-03/10/2025	Vui trung thu	
2	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì (4 tuần)	Tuần 1: 06-10/10/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	Lồng ghép an toàn giao thông
		Tuần 2: 13-17/10/2025	Phương tiện giao thông đường thủy	
		Tuần 3: 20-24/10/2025	PTGT đường hàng không	

		Tuần 4: 27-31/10/2025	Bé tham gia giao thông	
3	Đồ chơi của bé (4 tuần)	Tuần 1: 03-07/11/2025	Đồ chơi nấu ăn	Ngày nhà giáo VN 20/11
		Tuần 2: 10-14/11/2025	Đồ chơi lắp ráp xây dựng	
		Tuần 3: 17-21/11/2025	Bé yêu cô giáo	
		Tuần 4: 24-28/11/2025	Những đồ chơi bé thích	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần)	Tuần 1: 01-05/12/2025	Mẹ của bé	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam
		Tuần 2: 08-12/12/2025	Mẹ và những người thân yêu của bé	
		Tuần 3: 15-19/12/2025	Đồ dùng gia đình bé	
		Tuần 4: 22-26/12/2025	Chú bộ đội	
5	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	Tuần 1: 29/12-02/01/2026	Con vật nuôi trong gia đình	
		Tuần 2: 05-09/01/2026	Con vật sống dưới nước	
		Tuần 3: 12-16/01/2026	Động vật sống trong rừng	
		Tuần 4: 19-23/01/2026	Những con vật bé thích	
6	Ngày tết và mùa xuân (4 tuần)	Tuần 1: 26-30/01/2026	Các loại hoa ngày tết	
		Tuần 2: 02-06/02/2026	Bé vui đón tết	
		09-11/02/2026	HỌC BÌNH THƯỜNG (CHỈ GIỮ TRẺ)	
		12-22/02/2026	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐẰN (25 ÂL-6 ÂL)	
		Tuần 3: 23-27/02/2026	Các loại bánh ngày tết	
		Tuần 4: 02/3-06/03/2026	Quả ngon của bé	
7	Cây và những bông hoa đẹp (4 tuần)	Tuần 1: 09-13/03/2026	Ngày tết của mẹ và	8/3 ngày tết của mẹ và cô
		Tuần 2: 16-20/03/2026	Một số loại rau	
		Tuần 3: 23-27/03/2026	Những bông hoa đẹp	
		Tuần 4: 30/3-03/04/2026	Cây xanh quanh bé	

8	Mùa hè đến rồi (4 tuần)	Tuần 1: 06-10/04/2026	Mùa hè vui	
		Tuần 2: 13-17/04/2026	Thời tiết mùa hè	
		Tuần 3: 20-24/04/2026	Quần áo mùa hè	
		Tuần 4: 27/4-01/05/2026	Sự kỳ diệu của nước	
9	Bé lên mẫu giáo (3 tuần)	Tuần 1: 04-08/05/2026	Bé lên lớp Mầm	Mừng sinh nhật Bác 19/5
		Tuần 2: 11-15/05/2026	Lớp mầm có gì vui	
		Tuần 3: 18-22/05/2026	Mừng sinh nhật Bác	
TC	9	35	35	

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ
KHỐI MẦM**

STT	CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN (TỪ 08/09/2025 ĐẾN 22/5/2026)	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỰ KIỆN
1	Trường mầm non (4 tuần)	Tuần 1: 08-12/09/2025	Lớp học của chúng mình	Mừng ngày hội đến trường của bé Tết Trung Thu
		Tuần 2: 15-19/09/2025	Đồ dùng, đồ chơi trong lớp	
		Tuần 3: 22-26/09/2025	Trường mầm non của bé	
		Tuần 4: 29/9-03/10/2025	Vui tết trung thu	
2	Giao thông (4 tuần)	Tuần 1: 06-10/10/2025	Giao thông đường bộ, sắt	An toàn giao thông.
		Tuần 2: 13-17/10/2025	Giao thông đường thủy	
		Tuần 3: 20-24/10/2025	Giao thông đường hàng không	
		Tuần 4: 27-31/10/2025	Luật giao thông	
3	Bản thân (4 tuần)	Tuần 1: 03-07/11/2025	Ngày sinh nhật của bé	20/11 ngày nhà giáo Việt Nam
		Tuần 2: 10-14/11/2025	Bé lớn lên thế nào?	
		Tuần 3: 17-21/11/2025	Bé yêu cô giáo	
		Tuần 4: 24-28/11/2025	Đồ dùng cá nhân của bé	
4	Gia đình (4 tuần)	Tuần 1: 01-05/12/2025	Ngôi nhà của bé	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam
		Tuần 2: 08-12/12/2024	Người thân của bé	
		Tuần 3:	Đồ dùng trong gia đình	

		15-19/12/2025		22/12
		Tuần 4: 22-26/12/2025	Chú bộ đội	
5	Động vật (4 tuần)	Tuần 1: 29/12-02/01/2026	Những con vật sống trong gia đình	
		Tuần 2: 05-9/01/2026	Những con vật sống dưới nước	
		Tuần 3: 12-16/01/2025	Những con vật sống trong rừng	
		Tuần 4: 19-23/01/2025	Côn trùng	
6	Thực vật (4 tuần)	Tuần 1: 26 -30/01/2026	Thế giới loài hoa	Mùa xuân
		Tuần 2: 02-06/02/2026	Lễ hội mùa xuân	
		09-11/02/2026	Học bình thường (Chỉ giữ trẻ)	
		12-22/02/2026	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐẰN (Từ ngày 25 âm lịch - 06 âm lịch)	
		Tuần 3: 23-27/02/2026	Một số loại rau, củ, quả	
		Tuần 4: 02/-06/03/2026	Cây xanh quanh bé	
7	Nghề nghiệp (4 tuần)	Tuần 1: 09-13/03/2025	Ngày tết của mẹ và cô	8/3 ngày tết của mẹ và cô
		Tuần 2: 16-20/03/2026	Một số nghề phổ biến	
		Tuần 3: 23-27/03/2026	Bác nông dân	
		Tuần 4: 30/03-03/04/2026	Lớn lên bé thích làm nghề gì?	
8	Nước và hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Tuần 1: 06-10/04/2026	Sự kỳ diệu của nước	
		Tuần 2: 13-17/04/2026	Một số hiện tượng thời tiết	
		Tuần 3: 20-24/04/2025	Các mùa trong năm	
9	Quê hương- Đất nước - Bác Hồ (4 tuần)	Tuần 1 27/4-01/05/2025	Mỹ Quới quê em	
		Tuần 2: 04-08/05/2025	Quê hương của bé	Mừng sinh nhật Bác
		Tuần 3	Đất nước Việt Nam	19/5

		11-15/05/2026	Mừng sinh nhật Bác	
		Tuần 4 18-22/05/2026		
TC	9	35	35	

**DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
KHỐI CHỖI**

STT	CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN (TỪ 08/09/2025 ĐẾN 22/05/2026)	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỰ KIỆN
1	Trường mầm non (4 tuần)	Tuần 1: 08-12/09/2025	Lớp học của chúng mình	Mừng ngày hội đền trường của bé Tết Trung Thu
		Tuần 2: 15-19/09/2025	Đồ dùng, đồ chơi trong lớp	
		Tuần 3: 22-26/09/2025	Trường mầm non của bé	
		Tuần 4: 29/9-03/10/2025	Vui tết trung thu	
2	Giao thông (4 tuần)	Tuần 1: 06-10/10/2025	Giao thông đường bộ, sắt	An toàn giao thông.
		Tuần 2: 13-17/10/2025	Giao thông đường thủy	
		Tuần 3: 20-24/10/2025	Giao thông đường hàng không	
		Tuần 4: 27-31/10/2025	Luật lệ an toàn giao thông	
3	Bản thân (4 tuần)	Tuần 1: 03-07/11/2025	Ngày sinh nhật của bé.	20/11 ngày nhà giáo Việt Nam
		Tuần 2: 10-14/11/2025	Các bộ phận cơ thể và các giác quan	
		Tuần 3: 17-21/11/2025	20/11 ngày nhà giáo Việt Nam	
		Tuần 4: 24-28/11/2025	Đồ dùng cá nhân của bé	
4	Gia đình (4 tuần)	Tuần 1: 01-05/12/2025	Ngôi nhà của bé	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
		Tuần 2: 08-12/12/2025	Những người thân của bé	
		Tuần 3: 15-19/12/2025	Đồ dùng trong gia đình	
		Tuần 4: 22-26/12/2025	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	
5	Động vật (4 tuần)	Tuần 1: 29/12-02/01/2026	Động vật sống trong gia đình	
		Tuần 2: 05-09/01/2026	Động vật sống dưới nước	

		Tuần 3: 12-16/01/2026	Động vật sống trong rừng	
		Tuần 4: 19-23/01/2026	Côn trùng và chim	
6	Thực vật (4 tuần)	Tuần 1 26- 30/01/2026	Những bông hoa xinh đẹp	Mùa xuân
		Tuần 2 02-06/02/2026	Lễ hội mừng xuân	
		09-11/02/2026	Học bình thường (Chỉ giữ trẻ)	
		12-22/02/2026	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN (từ 25 âl - mừng 6 âl)	
		Tuần 3: 23-27/02/2026	Bé tìm hiểu về rau củ quả	
		Tuần :4 02-6/03/2026	Sự phát triển của cây	
7	Nghề nghiệp (4 tuần)	Tuần 1: 09-13/03/2026	Ngày tết của mẹ - cô	88/3 ngày tết của mẹ và cô
		Tuần 2: 16-20/03/2026	Một số nghề phổ biến	
		Tuần 3: 23-27/03/2026	Nghề truyền thống quê em	
		Tuần 4: 30/03-03/04/2026	Bé thích làm nghề gì	
8	Nước và hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Tuần 1: 06-10/04/2026	Sự kì diệu của nước	
		Tuần 2: 13-17/04/ 2026	Một số hiện tượng tự nhiên	
		Tuần 3: 20-24/04/2026	Các mùa trong năm	
9	Quê hương – đất nước – Bác Hồ (4 tuần)	Tuần 1: 27/04 -01/05/2026	Mỹ Quới quê em	Mừng ngày MN giải phóng thống nhất đất nước. Mừng sinh nhật Bác 19/5
		Tuần 2: 04-8/05/2026	Quê hương của bé	
		Tuần 3: 11-15/05/2026	Đất nước mến yêu.	
		Tuần 4: 18-22/05/2026	Bác Hồ kính yêu	
9			35	

**DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
KHỐI LÁ**

STT	CHỦ ĐỀ	THỜI GIAN (TỪ 08/09/2025 ĐẾN 22/05/2026)	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỰ KIỆN
1	Trường mầm non (4 tuần)	Tuần 1: 08-12/09/2025	Lớp học của chúng mình	Mừng ngày hội đến trường của bé Tết Trung Thu
		Tuần 2: 15-19/09/2025	Đồ dùng, đồ chơi trong lớp	
		Tuần 3: 22-26/09/2025	Trường mầm non của bé	
		Tuần 4: 29/9-03/10/2025	Vui tết trung thu	
2	Giao thông (4 tuần)	Tuần 1: 06-10/10/2025	Giao thông đường bộ, sắt	An toàn giao thông.
		Tuần 2: 13-17/10/2025	Giao thông đường thủy	
		Tuần 3: 20-24/10/2025	Giao thông đường hàng không	
		Tuần 4: 27-31/10/2025	Luật lệ an toàn giao thông	
3	Bản thân (4 tuần)	Tuần 1: 03-07/11/2025	Ngày sinh nhật của bé.	20/11 ngày nhà giáo Việt Nam
		Tuần 2: 10-14/11/2025	Các bộ phận cơ thể và các giác quan	
		Tuần 3: 17-21/11/2025	20/11 ngày nhà giáo Việt Nam	
		Tuần 4: 24-28/11/2025	Đồ dùng cá nhân của bé	
4	Gia đình (4 tuần)	Tuần 1: 01-05/12/2025	Ngôi nhà của bé	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12
		Tuần 2: 08-12/12/2025	Những người thân của bé	
		Tuần 3: 15-19/12/2025	Đồ dùng trong gia đình	
		Tuần 4: 22-26/12/2025	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12	
5	Động vật (4 tuần)	Tuần 1: 29/12-02/01/2026	Động vật sống trong gia đình	
		Tuần 2: 05-09/01/2026	Động vật sống dưới nước	
		Tuần 3: 12-16/01/2026	Động vật sống trong rừng	
		Tuần 4: 19-23/01/2026	Côn trùng và chim	

6	Thực vật (4 tuần)	Tuần 1 26-30/01/2026	Những bông hoa xinh đẹp	Mùa xuân
		Tuần 2 02-06/02/2026	Lễ hội mừng xuân	
		09-11/02/2026	Học bình thường (chỉ giữ trẻ)	
		12-22/02/2026	NGHỈ TẾT NGUYỄN ĐÁN (từ 25 âl - mừng 6 âl)	
		Tuần 3: 23-27/02/2026	Bé tìm hiểu về rau củ quả	
		Tuần :4 02-6/03/2026	Sự phát triển của cây	
7	Nghề nghiệp (4 tuần)	Tuần 1: 09-13/03/2026	Ngày tết của mẹ - cô	8/3 ngày tết của mẹ và cô
		Tuần 2: 16-20/03/2026	Một số nghề phổ biến	
		Tuần 3: 23-27/03/2026	Nghề truyền thống quê em	
		Tuần 4: 30/03-03/04/2026	Bé thích làm nghề gì	
8	Nước và hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Tuần 1: 06-10/04/2026	Sự kì diệu của nước	
		Tuần 2: 13-17/04/ 2026	Một số hiện tượng tự nhiên	
		Tuần 3: 20-24/04/2026	Các mùa trong năm	
9	Quê hương – đất nước – Bác Hồ- Trường tiểu học (4 tuần)	Tuần 1: 27/04 -01/05/2026	Quê hương của bé	Mừng ngày MN giải phóng thống nhất đất nước.
		Tuần 2: 04-8/05/2026	Đất nước mến yêu	
		Tuần 3: 11-15/05/2026	Trường tiểu học	Mừng sinh nhật Bác 19/5
		Tuần 4: 18-22/05/2026	Bác Hồ kính yêu	
9			35	

CÁC SỰ KIỆN ĐƯỢC LỒNG GHÉP TRONG NĂM

STT	Tháng	Sự kiện được lồng ghép
1	Tháng 09/2025	Khai giảng và trung thu
2	Tháng 10/2025	Tháng an toàn giao thông
3	Tháng 11/2025	Ngày nhà giáo VN
4	Tháng 12/2025	Ngày thành lập quân đội NDVN
5	Tháng 01,2/2026	Mừng Đảng, Mừng Xuân
6	Tháng 03/2026	Ngày quốc tế phụ nữ và khởi nghĩa hai Bà Trưng

7	Tháng 04/2026	Ngày miền Nam được giải phóng (giỗ tổ Hùng Vương 10/3âl)
8	Tháng 05/2026	Sinh nhật Bác Hồ và Quốc tế Thiếu Nhi

CÁC CHUYÊN ĐỀ ĐƯỢC LỒNG GHÉP TRONG THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Stt	Chuyên đề	Ghi chú
1	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ.	
2	Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non.	
3	Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.	
4	Giáo dục lễ giáo.	
5	Xây dựng trường học an toàn Phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.	
6	Một số biện pháp an toàn giao thông cho trẻ.	
7	Giáo dục bảo vệ môi trường trong trường mầm non.	
8	Kỹ năng nhận biết phòng tránh những nguy cơ không an toàn	
9	Lồng ghép giới trong cơ sở GDMN.	
10	Quy tắc ứng xử văn hóa trong cơ sở GDMN.	
11	Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai trong trường mầm non.	
12	Dạy trẻ khám phá khoa học	
13	Vệ sinh, nước sạch và giáo dục vệ sinh cho trẻ	
14	Tích hợp nội dung học tập và làm theo TTĐĐ PC HCM trong GDMN.	
15	Giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non.	
16	Phòng ngừa ứng phó, giảm nhẹ 1 số thảm họa thiên tai	
17	GD về tài nguyên môi trường Biển, hải đảo	

KẾ HOẠCH 12 THÁNG

STT	Tháng	Nội dung
1	Tháng 8/2025	- Bồi dưỡng chuyên môn. - Các lớp chuẩn bị trang trí lớp chuẩn bị thu nhận trẻ, chuẩn bị mừng ngày hội đến trường
2	Tháng 9/2025	- Xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch thực hiện chuyên đề và các chuyên đề trong năm. - Tổ chức thao giảng dự giờ, kiểm tra chuyên đề - Duyệt hồ sơ giáo viên. - Kết hợp với tổ khối kiểm tra tình hình trang trí ở các lớp.
3	Tháng 10/2025	- Thông báo với giáo viên về việc tuyên truyền phụ huynh chăm sóc trẻ trong thời gian ở nhà phòng chống dịch đau mắt đỏ và bệnh tay-chân-miệng. - Tổ chức họp chuyên môn định kì - Duyệt hồ sơ giáo viên.
4	Tháng 11/2025	-Tổ chức họp chuyên môn định kì - Duyệt hồ sơ giáo viên. - Theo dõi tình hình trường, lớp.
5	Tháng	- Tổ chức họp chuyên môn định kì

	12/2025	- Duyệt hồ sơ giáo viên. - Tổ chức thao giảng dự giờ, kiểm tra chuyên đề - Theo dõi tình hình trường, lớp.
6	Tháng 01/2026	- Tổ chức họp chuyên môn định kì - Tổ chức thao giảng dự giờ, kiểm tra chuyên đề - Kiểm tra các góc trong lớp - Báo cáo hoạt động chuyên môn
7	Tháng 02/2026	- Đón đoàn kiểm tra hoạt động chuyên môn Phòng Giáo dục. - Tổ chức thao giảng dự giờ, kiểm tra chuyên đề - Tổ chức họp chuyên môn định kì - Tổ chức họp chuyên môn 2 tuần/lần - Duyệt hồ sơ giáo viên. - Báo cáo hoạt động chuyên môn. - Nghĩ tết Nguyên đán
8	Tháng 03/2026	- Tổ chức họp chuyên môn định kì - Tuyên truyền kỷ niệm ngày quốc tế phụ nữ 8/3 - Tổ chức thao giảng - Dự giờ, kiểm tra chuyên đề các lớp. - Tổ chức họp chuyên môn 2 tuần/lần - Duyệt hồ sơ giáo viên. - Báo cáo hoạt động chuyên môn.
9	Tháng 04/2026	- Tổ chức họp chuyên môn định kì - Kiểm tra các góc trong lớp - Tổ chức thao giảng dự giờ, kiểm tra chuyên đề - Tổ chức họp chuyên môn 2 tuần/lần - Duyệt hồ sơ giáo viên. - Kiểm tra toàn diện 1 giáo viên - Báo cáo hoạt động chuyên môn.
10	Tháng 05/2026	- Tổ chức họp chuyên môn định kì - Tổ chức mừng sinh nhật Bác 19/5 - Duyệt hồ sơ giáo viên. - Tổ chức họp chuyên môn 2 tuần/lần - Kết hợp với lãnh đạo- CD xét thi đua cho giáo viên và đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. - Tổng kết năm học, Tập văn nghệ làm lễ ra trường cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi.
11	Tháng 6,7,8/2026	- Báo cáo hoạt động chuyên môn cuối năm

Nơi nhận:

- CB-GV;
- Lưu VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Hà Thị Bích Châm